TAND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/DS-ST
Ngày 29/9/2023.
V/v tranh chấp yêu cầu tháo dỡ,
di dời các tài sản trên đất trái pháp luật.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Kim Sơn và Ông Bùi Thế Vịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc "*Tranh chấp yêu cầu tháo dỡ, di dời các tài sản trên đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2023/QĐST-DS ngày 12/9/2023 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 249, đường Giáp Hải, TDP Quyết Thắng, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Bà T ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Như Q, sinh năm 1998 – Đại diện – (Bà Q có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 329 đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

+ Bị đơn: Ông Đỗ Văn K, sinh năm 1940 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Chuông Vàng, xã T Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1976 – (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Chuông Vàng, xã T Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T do bà Nguyễn Như Q là người đại diện trình bày: Vào tháng 5/2022 bà Nguyễn Thị T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 02 lô đất liền kề của bà Đỗ Thị B, cụ thể:

Lô thứ nhất: Ngày 16/5/2022 tôi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất số CG658592; số sổ cấp GCN số CS04290, diện tích 1.085m^2.

Lô thứ hai: Ngày 07/6/2022 tôi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất số CG658597, vào sổ cấp GCN số CS04289, diện tích 671m^2 cùng tại địa chỉ: Thôn Chuông Vàng, xã T Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi nhận chuyển nhượng của bà B thì ông Đỗ Văn K là bố đẻ của bà Đỗ Thị B là hàng xóm liền kề luôn nhận hai lô đất trên và các tài sản trên đất bao gồm nhà công trình phù và cây cối lâm lộc là đất của ông. Tuy nhiên khi bán cho bà thì bà B đã đưa cho bà xem 02 bản án của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang và Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phân chia tài sản vợ chồng giữa ông K và vợ là bà Thân Thị Tới vì vợ chồng bà Tới ông K ly hôn vào năm 2012; Sau khi ly hôn được chia tài sản thì bà Tới đã tặng cho con gái là bà Đỗ Thị B toàn bộ phần tài sản được chia. Bà B đã chuyển nhượng cho bà và được Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạng Giang xác nhận Quyền sử dụng cho bà với hai lô đất trên vào các ngày 16/5/2022 và ngày 07/6/2022.

Sau khi nhận chuyển nhượng, bà đã nhiều lần yêu cầu ông K phải di dời, tháo dỡ toàn bộ cây trồng, nhà công trình phụ trên đất của bà để trả lại đất cho bà nhưng ông K không làm thậm chí ông K còn cố tình đổ đất đổ đường bê tông lên phần đất của bà và bà cũng đã có đơn đề nghị đến chính quyền địa phương giải quyết, hòa giải nhiều lần nhưng ông K cố tình không chấp hành.

Nay bà yêu cầu ông Đỗ Văn K phải di dời, tháo dỡ toàn bộ cây trồng, nhà công trình phụ trên đất của bà đã được bà B chuyển nhượng để trả lại đất cho bà sử dụng, bà không đồng ý sử dụng lại các tài sản của ông K.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Như Q là người đại diện theo ủy quyền của bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn Ông Đỗ Văn K: Ông K không hợp tác nên không có lời khai và cũng không đến phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị B trình bày:

Bà là con gái của ông Đỗ Văn K, bà Thân Thị Tới. Năm 2012 do bố mẹ bà mâu thuẫn trầm trọng nên mẹ bà đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu chia tài sản vợ chồng đối với ông K; Tòa án hai cấp tỉnh Bắc Giang đã xử cho mẹ bà được ly hôn với ông K và phân chia tài sản cho mẹ bà, theo đó toàn bộ phần tài

sản bao gồm đất ở, đất vườn, đất lâm nghiệp và các tài sản gắn liền với đất bà Tới được chia thì bà Tới đã tặng cho bà là con gái và bà đã được UBND huyện Lạng Giang xác nhận Quyền sử dụng từ tháng 7/2018. Kể từ khi được xác nhận quyền sử dụng vì bà không có nhu cầu ở trên đất nên vào tháng 5 và tháng 6/2022 bà đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T 02 lô đất cùng tài sản trên đất như trên. Tuy nhiên sau khi bà T nhận chuyển nhượng từ bà thì phía ông Đỗ Văn K vẫn cố tình chiếm giữ hết mặt bằng, cụ thể trồng cây trên đất, cơi nới phần mái nhà công trình phụ cấp bốn và đổ đất làm đường dẫn đến phía bà T không sử dụng được đất đã chuyển nhượng.

Nay bà nhất trí với các yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, đề nghị Tòa án Lạng Giang buộc ông Đỗ Văn K phải tháo dỡ toàn bộ phần đã cơi nới lên nhà cấp bốn và di dời toàn bộ các loại cây trồng trên đất thuộc quyền sở hữu của bà T để trả lại đất cho bà T sử dụng.

Tại phiên tòa hôm nay bà B có đơn xin vắng mặt.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn ông Đỗ Văn K không chấp hành quy định, không đến phiên tòa.

Tại phiên tòa ông Đỗ Văn K vắng mặt lần thứ hai và Tòa án đã tống đạt quyết định hoãn phiên tòa đầy đủ nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt ông K theo thủ tục chung. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin được xét xử vắng mặt.

Đề nghị HĐXX xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc ông Đỗ Văn K phải tháo dỡ, di dời toàn bộ các tài sản công trình đã xây dựng, tôn tạo và trồng trái phép trên diện tích đất tại các thửa đất số 131; tờ bản đồ số 68 diện tích 1.085,0 m^2 và thửa đất số 130; tờ bản đồ số 68 diện tích 671,0 m^2 của bà Nguyễn Thị T.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết tranh

chấp yêu cầu tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản đã tôn tạo, xây dựng và trồng cây trên đất đối với ông Đỗ Văn K hiện cư trú tại thôn Chuông Vàng, xã T Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 9 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Văn K vắng mặt lần thứ hai. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T do và Nguyễn Như Quỳnh đại diện và người liên quan bà Đỗ Thị B đều có đơn xin vắng mặt.

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 328 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung*: Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Văn K phải tháo dỡ, di rời các tài sản trên 02 lô đất liền kề của bà Đỗ Thị B đã chuyển nhượng cho bà cụ thể:

Lô thứ nhất: Chuyển nhượng ngày 16/5/2022 tại thửa đất số 131; tờ bản đồ số 68 diện tích 1.085,0 m^2 (trong đó 100m^2 đất ở và 985m^2 đất trồng cây lâu năm) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 658597 mang tên Nguyễn Thị T.

Lô thứ hai chuyển nhượng ngày 07/6/2022 tại thửa đất số 130; tờ bản đồ số 68 diện tích 671,0 m^2 đất rừng sản xuất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 658592 mang tên Nguyễn Thị T.

- Về nguồn gốc diện tích đất bà Nguyễn Thị T khởi kiện:

Nguồn gốc diện tích đất của bà Đỗ Thị B chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T là của bà Thân Thị T, sinh năm 1943 ở Chuông Vàng, xã T Hưng, huyện Lạng Giang; Năm 2012 vợ chồng bà Thân Thị T và ông Đỗ Văn K được Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử ly hôn và phân chia tài sản chung, sau đó Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lạng Giang đã thi hành bản án chia tách nhà đất cho bà T và bà T đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp giấy CNQSD đất năm 2017 và đến tháng 7 năm 2018 bà T đã tặng cho con gái là bà Đỗ Thị B, sau đó do không có nhu cầu sử dụng nên bà B đã chuyển nhượng toàn bộ 02 lô đất trên cho bà Nguyễn Thị T.

Xác minh tại chính quyền địa phương xã T Hưng thể hiện: Từ khi bà T được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thì bà T và bà B không ở trên đất vì giữa bà T và ông K vẫn thường xuyên mâu thuẫn, phía ông K đã tự ý cơi nới xây dựng nhà kho, bắn mái broximang và trồng cây trên phần đất của bà T; Bà B và bà T đã nhiều lần ra UBND xã T Hưng yêu cầu giải quyết nhưng ông K vẫn cố tình xây dựng và trồng cây cối lâm lộc trên phần đất đã được chia của bà T. Vào khoảng tháng 3 năm 2022 sau khi bà T đã nhận chuyển nhượng quyền sử

dụng từ bà B thì ông K vẫn cố tình đổ đất, đổ bê tông làm đường trên phần đất của bà T nên giữa hai bên xảy ra tranh chấp, chính quyền có đến can thiệp nhưng ông K không chấp hành, sau đó bà T đã có đơn gửi UBND xã T Hưng và đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành, nay bà T làm đơn khởi kiện đến Tòa án, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án buộc ông K phải chấp hành phải di dời, tháo dỡ toàn bộ tài sản, cây cối lâm lộc để trả lại phần mặt bằng diện tích đất cho bà T sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn ông Đỗ Văn K không hợp tác, không đến Tòa và cũng từ chối không nhận bất cứ một văn bản giấy tờ gì của Tòa án nên Tòa án đã phải niêm iết các văn bản theo đúng trình tự tố tụng quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả xác minh làm việc với UBND xã T Hưng thể hiện việc ông Đỗ Văn K tự ý xây dựng công trình phụ, tự ý tôn tạo đường và trồng cây trên phần đất mà bà Nguyễn Thị T đã được nhận chuyển nhượng là không đúng. Do vậy việc bà T khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Văn K phải tháo dỡ, di dời các tài sản trên để trả lại mặt bằng cho bà là có căn cứ cần chấp nhận.

Ngày 20/7/2023 Tòa án đã mời HDĐG, HĐTĐ tài sản tiến hành xem xét đo vẽ thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, cây cối lâm lộc mà ông K đã xây dựng, tôn tạo và trồng trên phần đất của bà T, kết quả định giá như sau:

1. Bắn mái Broximang (5,8m x 2,7m) = 15,66m^2 x 335.000đ x 20% = 1.049.000 đồng.
2. Nhà kho (4,2m x 5,4m) = 22,68 m^2 x 530.000đ x 60% = 7.212.000 đồng.
3. Đào tiên 01 cây đường kính gốc 5 – 7 cm, đường kính tán 2 – 3cm x 310.000 đ = 310.000 đồng.
4. Sâm Núi Dành (03 năm) vận dụng bằng cây xạ đen diện tích (80m + 212)m^2 x 15.000đ/m^2 = 4.380.000 đồng.
5. 20 Cây keo đường kính gốc 10 – 13cm x 123.000đ = 2.460.000 đồng.
6. 28 cây keo đường kính gốc 5 – 10cm x 118.000đ = 3.304.000 đồng.
7. 05 cây đu đủ có quả trồng từ 6 – 9 tháng x 57.500đ = 287.000 đồng.
8. Tường cay 110 diện tích (0,8 x 10)m x 230.000đ x 60% = 1.104.000đồng.
9. 01 đoạn đường đổ bê tông diện tích 120m^2 x 0,15m dầy = 18m^3 x 2.110.000 đồng = 34.182.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản của ông K đã xây dựng, tôn tạo và trồng cây trên đất của bà T là 54.288.000 đồng.

Đối với các tài sản trên đất này của ông Đỗ Văn K là do ông K tự ý xây dựng, tôn tạo và trồng cây trên đất mà không được sự đồng ý của bà Thân Thị

Tới và bà Đỗ Thị B. Hiện tại bà B đã chuyển nhượng quyền sử dụng toàn bộ cả hai lô đất cho bà Nguyễn Thị T nên bà T được toàn quyền sử dụng và định đoạt tài sản là đất đã được nhận chuyển nhượng. Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên cần buộc ông Đỗ Văn K phải tháo dỡ di dời toàn bộ các tài sản trên và các tài sản khác có trên phần diện tích hai thửa đất tại thôn Chuông Vàng, xã T Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang thuộc các *thửa số 131; tờ bản đồ số 68 diện tích* ***1.085,0 m²*** (100m² đất ở và 985m² đất trồng cây lâu năm) gồm có cạnh phía Bắc EF giáp Miếu thôn dài 12,8m; cạnh phía Đông FC giáp đất ông Đỗ Văn K dài 46,3m; cạnh phía Nam CD tiếp giáp thửa đất số 130 dài 16,6m; Cạnh phía Tây DE giáp đất hộ ông Giáp Đức Uy dài (38m + 2,9m + 5,1m) *và thửa số 130; tờ bản đồ số 68 diện tích* ***671,0 m²*** *đất* rừng sản xuất có cạnh Bắc DC tiếp giáp thửa đất số 131 dài 16,6m; cạnh phía Đông BC tiếp giáp đất ông Đỗ Văn K dài 63,3m; cạnh phía Nam AB dài 20,4m; cạnh phía Tây AD tiếp giáp đất hộ ông Giáp Đức Uy là một đường gấp khúc dài (13m + 8,1m + 2,1m + 4,7m + 0,6m + 19,4m + 3,1m + 8,4m) đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị T để trả lại đất cho bà T theo ranh giới đã được cấp GCNQSD đất là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về chi phí tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T đã nộp tổng số tiền đo vẽ và xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 17.000.000 đồng, số tiền này Tòa án đã chi cho Hội đồng xem xét thẩm định và định giá tài sản, và thanh toán với Công ty HTU Hồng Quang là cơ quan đo vẽ sơ đồ diện tích đất tranh chấp vào ngày 20/7/2023 Tòa án đã thanh toán xong với bà T. Nay bà T đề nghị Tòa án giải quyết số tiền chi phí tố tụng này theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 156, Điều 165 của BLTTDS cần buộc ông Đỗ Văn K phải hoàn trả cho bà T số tiền chi phí tố tụng trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Đỗ Văn K thuộc đối tượng người cao tuổi nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 10, Điều 50 của Luật đất đai năm 2003; Điều 12, Điều

100, Điều 125, Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013.

Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 167, Điều 169 của Bộ luật dân sự 2015;

Các Điều 26; 35; 39; 147; 157; 165; 166; 227; 228; 328; 271; 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

1. Xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Đỗ Văn K phải tháo dỡ, di dời toàn bộ các tài sản công trình đã xây dựng, tôn tạo và trồng trái phép trên diện tích hai thửa đất tại thôn Chuông Vàng, xã T Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang thuộc các *thửa số 131; tờ bản đồ số 68 diện tích* ***1.085,0 m²*** (100m^2 đất ở và 985m^2 đất trồng cây lâu năm) gồm có cạnh phía Bắc EF giáp Miếu thôn dài 12,8m; cạnh phía Đông FC giáp đất ông Đỗ Văn K dài 46,3m; cạnh phía Nam CD tiếp giáp thửa đất số 130 dài 16,6m; Cạnh phía Tây DE giáp đất hộ ông Giáp Đức Uy dài (38m + 2,9m + 5,1m) *và thửa số 130; tờ bản đồ số 68 diện tích* ***671,0 m²*** *đất* rừng sản xuất có cạnh Bắc DC tiếp giáp thửa đất số 131 dài 16,6m; cạnh phía Đông BC tiếp giáp đất ông Đỗ Văn K dài 63,3m; cạnh phía Nam AB dài 20,4m; cạnh phía Tây AD tiếp giáp đất hộ ông Giáp Đức Uy là một đường gấp khúc dài (13m + 8,1m + 2,1m + 4,7m + 0,6m + 19,4m + 3,1m + 8,4m) đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị T.

Các tài sản mà ông Đỗ Văn K buộc phải di dời, tháo dỡ bao gồm 01 mái Broximang 15,66m^2; 01 Nhà kho diện tích 22,68 m^2; 01 cây đào tiên; toàn bộ số cây Sâm Núi Dành; 20 Cây keo đường kính gốc 10 – 13cm; 28 cây keo đường kính gốc 5 – 10cm; 05 cây đu đủ; 01 đoạn tường cay 110 diện tích (0,8 x 10) m; 01 đoạn đường đổ bê tông diện tích 120m^2 x 0,15m dầy = 18m^3 và các tài sản khác có trên phần diện tích 02 lô đất trên để trả lại mặt bằng diện tích đất cho bà Nguyễn Thị T sử dụng.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đỗ Văn K phải hoàn trả bà Nguyễn Thị T số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) tiền chi phí tố tụng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số 0005334 ngày 18/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Ông Đỗ Văn K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Hằng.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự.
- Lưu
- Các đương sự.